

Số: 169/2026/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 20 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 153/2026/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2026, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lê Văn H, sinh năm: 1999; số định danh cá nhân/CCCD: 046099007905; địa chỉ: Thôn A - H, xã A, thành phố H;

2. Chị Hồ Thị C, sinh năm 2002; số định danh cá nhân/CCCD: 046302010039; địa chỉ: Thôn A - H, xã A, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và căn cứ vào kết quả hòa giải ngày 12/5/2026, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn H và chị Hồ Thị C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân xã A, thành phố H), được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 01/3/2021 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua hòa giải đoàn tụ không thành, xét việc ly hôn của anh Lê Văn H và chị Hồ Thị C là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần công nhận.

[2] Về con chung: Anh Lê Văn H và chị Hồ Thị C có hai người con chung là cháu Lê Hải D, sinh ngày 04/10/2020 và cháu Lê Chí T, sinh ngày 28/11/2021.

Anh H và chị C thỏa thuận sau khi ly hôn, giao hai cháu là Lê Hải D và cháu Lê Chí T cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi; chị C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: Anh Lê Văn H và chị Hồ Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn H tự nguyện chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Hồ Thị C.

1.2. Về con chung: Giao hai con chung là Lê Hải D, sinh ngày 04/10/2020 và Lê Chí T, sinh ngày 28/11/2021 cho anh Lê Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Chị Hồ Thị C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh H, chị C không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001143 ngày 09/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Anh H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi

hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3 - Huế;
- Phòng THADS khu vực 3 – Huế;
- UBND xã A Lưới 3;
- (ĐK kết hôn số 02, ngày 01/3/2021);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Minh